TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21- 01- 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Ngọc Anh và ông Lê Văn Phương

Thư ký phiên toà*:* Ông Nguyễn Thái Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Thiện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 579/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 510/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/01/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1987. Nơi cư trú: tổ A, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (*yêu cầu vắng mặt).*

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Yến N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: tổ A, ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

Anh Nguyễn Minh T và chị Trần Thị Yến N là vợ chồng vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh An Giang (Giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày 16/7/2007). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N tuyên bố vỡ hụi và bỏ nhà đi, cắt đứt liên lạc với gia đình, chính thức ly thân từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên anh T yêu cầu ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Nhựt T1, sinh ngày 21/01/2008 và Nguyễn Trần Trí L, sinh ngày 09/01/2014 đang do N nuôi dưỡng. Anh T đồng ý cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung (phải thu, phải trả) không có. Anh yêu cầu vắng mặt khi xét xử.

Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, nên không ghi nhận được ý kiến.

Tòa án tiến hành xác minh được bà Phạm Thị Ngọc G (mẹ ruột anh T) cho biết: nguyên nhân là do N gây nợ nần và bỏ nhà đi từ năm 2021 đến nay, hiện tại vợ chồng T – N không còn sống chung. Vợ chồng T – N có 02 con chung tên Nguyễn Trần Nhựt T1, sinh ngày 21/01/2008 và Nguyễn Trần Trí L, sinh ngày 09/01/2014. Sau khi ly thân do N đang nuôi dưỡng sống ở gia đình cha mẹ ruột của N ở địa chỉ ấp K, huyện C, tỉnh An Giang.

Toà án tiến hành xác minh tại B ấp H cho biết thời điểm xác minh chị N và 02 con chung không có mặt ở địa phương, chị N đã bỏ địa phương đi từ năm 2021, 02 con chung không sống cùng gia đình anh T nên không ghi nhận được ý kiến, nguyện vọng của 02 con chung T1 và L.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự phiên tòa, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Qua đó, cho thấy bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Trần Thị Yến N. Về con chung: giao 02 con chung tên Nguyễn Trần Nhựt T1, sinh ngày 21/01/2008 và Nguyễn Trần Trí L, sinh ngày 09/01/2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Anh T phải chịu án phí hôn nhân theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị N.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] *Về yêu cầu ly hôn:* Chị N và anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp nhưng quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do mâu thuẫn về tiền bạc, chị N bị vỡ hụi và bỏ nhà đi, không còn chung sống từ năm 2021 đến nay. Tòa án đã triệu tập chị N để tham gia hòa giải, xét xử nhưng chị không đến, anh T cương quyết ly hôn, do đó chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị N là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:* Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Nhựt T1, sinh ngày 21/01/2008 và Nguyễn Trần Trí L, sinh ngày 09/01/2014 do chị N đang nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, chị N vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến về việc nuôi con, cũng như có yêu cầu cấp dưỡng hay không, đồng thời không ghi nhận được nguyện vọng của 02 con chung. Anh T đồng ý cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, vì vậy để đảm bảo môi trường phát triển của con được ổn định, thuận lợi trong việc học tập, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần tiếp tục giao cháu T1 và L cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: anh T khai không có nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh T, chị N phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Anh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T.

1. Về hôn nhân: anh Nguyễn Minh T được ly hôn với chị Trần Thị Yến N.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Nhựt T1, sinh ngày 21/01/2008 và Nguyễn Trần Trí L, sinh ngày 09/01/2014 do chị Trần Thị Yến N đang nuôi dưỡng.

Giao chị Trần Thị Yến N trực tiếp nuôi dạy 02 con chung tên Nguyễn Trần Nhựt T1 và Nguyễn Trần Trí L đến khi thành niên và tự lập được. Anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, các thành viên gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Ghi nhận anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh T, chị N phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Nguyễn Minh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0011506 ngày 24/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Chị Trần Thị Yến N không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND xã Hoà Lạc, huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung